Ký số bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 12/11/2024 16:18:05+07:00
Xác thực bởi: VNPT-CA SHA-256

DANH SÁCH GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ
KHU DÂN CƯ HOÀ LỢI
TẠI: PHƯỜNG HÒA PHÚ - THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT - TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	TÊN LÔ	SỐ THỬA MỚI	TỜ BĐ MỚI	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG	LOẠI ĐẤT	SỐ GCNQSDĐ	SỐ TRONG	NGÀY CẤP	THEO QĐ GIAO ĐẤT MỚI
1	TMDV1	49	1	6,429.0	TMDV	BO 635563	CT06104	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
2	TMDV2	48	4	18,559.0	TMDV	BO 635201	CT06105	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
3	DV1 TRƯỜNG HỌC	39	4	13,380.0	TRƯỜNG HỌC	BO 635204	CT06108	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
4	DV2 NHÀ TRẺ	37	4	5,335.0	NHÀ TRẺ	BO 635205	CT06109	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
5	DV3 Y TẾ	38	4	5,257.0	Y TẾ	BO 635206	CT06110	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
6	HL_D1	46	1	2,509.9	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635210	CT06114	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
7	HL_D2	47	1	7,139.0	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635211	CT06115	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
8	HL_D3	50	1	10,095.5	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635212	CT06116	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
9	HL_D3	51	1	10,265.5	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635213	CT06117	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
10	HL_D4	52	1	10,010.7	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635214	CT06118	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
11	HL_D4	53	1	9,869.3	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635215	CT06119	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
12	HL_D5	54	1	10,395.1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635216	CT06120	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
13	HL_D5	48	1	10,231.9	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635217	CT06121	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
14	HL_D6	29	4	9,622.0	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635218	CT06122	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
15	HL_D6	30	4	9,713.0	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635219	CT06123	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
16	HL_D7	31	4	9,023.5	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635220	CT06124	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
17	HL_D7	32	4	9,023.5	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635221	CT06125	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
18	HL_D8	33	4	9,023.4	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635222	CT06126	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
19	HL_D8	34	4	9,023.6	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635039	CT06127	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024

STT	TÊN LÔ	SỐ THỬA MỚI	TỜ BĐ MỚI	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG	LOẠI ĐẤT	SỐ GCNQSDĐ	SỐ TRONG	NGÀY CẤP	THEO QĐ GIAO ĐẤT MỚI
20	HL_D9	35	4	9,713.4	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635224	CT06128	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
21	HL_D9	36	4	9,713.6	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635225	CT06129	12/20/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
22	HL-E3	50	4	14,888.0	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635238	CT06142	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
23	HL-E3	59	4	14,888.0	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635239	CT06143	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
24	HL-E5	57	4	7,565.4	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635242	CT06146	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
25	HL-E5	58	4	7,870.6	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635243	CT06147	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
26	HL-E6	28	8	8,309.4	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635244	CT06148	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
27	HL-E6	29	8	8,614.6	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635245	CT06149	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
28	HL-E9	30	8	6,260.3	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635249	CT06153	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
29	HL-E9	31	8	5,507.7	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	BO 635250	CT06154	20/12/2013	QĐ SỐ 595/QĐ-UBND ngày 12/3/2024

Ghi chú: Đính kèm Biểu mẫu 09 về việc công khai thông tin bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh.